

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+TD2+TD1	7:25	3+15+4	0+0+0		1+16+5	0+0+0	chuyen 1 td2-td1
2		P2+BK3+CLO	7:25	4+0+17	0+0+0		0+0+19	0+0+0	chuyen 1 P2-BK3
3		TD5+RCDM	9:25	22+0	0+0		16+2	0+0	
4		VSP01+P9+TD1	9:25	3+6+13	0+0+0		3+0+17	0+0+0	
5		BK16+CTK3+TD3	11:45	0+8+13	0+0+0		0+0+19	0+0+0	chuyen 1 bk16-ctk3
6		P8+P5+P11	13:45	2+8+12	0+0+0		0+0+20	0+0+0	

TTĐĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: VANG-1	TO: P5 - TD2 - TD1	CREW: NAM - NPHÚ - HIẾU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1162	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN TRUNG	P5	54-55	2	11			64	GPWS	Vietnamese
2	MUHAMMAD RAIMI BIN RAIFUDDIN	P5	56-57	2	22			85	GPWS	Malaysian
3	NGUYỄN ĐỨC PHỤNG	P5	58-59	2	20	2	24	67	DVL	Vietnamese
4	LÊ QUANG CƯỜNG	TD2	60	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH ANH	TD2	53	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ ANH QUAN	TD2	54	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DOÀN BAO TRUNG	TD2	59	1	13			74	KHOAN	Vietnamese
8	BÙI TRUNG THỌ	TD2						70	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN MAI NAM	TD2	49	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM THANH GIANG	TD2	50	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ BA CHIẾN	TD2	48	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
12	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	46-47	2	18			68	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC CƯỜNG	TD2	55	1	9			60	KHOAN	Vietnamese
14	UMANG KHULLAR	TD2	56-57	2	22			61	SCHLUMBE	Indian
15	TRẦN THÁI AN	TD2	58	1	13			70	DVL	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	61	1	7			73	DVL	Vietnamese
17	ĐO VĂN THÁI	TD2	62	1	13			69	DVL	Vietnamese
18	BADRETDINOV EDGAR	TD1	35	1	3			85	KHOAN	Russian
19	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1						77	KHOAN	Vietnamese
20	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1	34	1	5	2	30	72	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM ĐỨC TUẤN	TD1	33	1	5			75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	3	216	6	53	2	24	1		
2	TD2	14	998	15	129	0	0	16		CHUYỂN 1 PAX TỪ TD2 SANG TD1
3	TD1	4	309	3	13	2	30	5		
TOTAL		21	1.523	24	195	4	54	22		
WEIGHT KG			1.523		195		54			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P2 - BK3 - CLO	CREW: XHOÀN - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1166	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN HOÀ	P2	43-44	2	16			72	QUYẾT TH	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HAI	P2	41-42	2	14	4	63	61	QUYẾT TH	Vietnamese
3	VŨ QUANG HÀ	P2	45	1	13			62	DUY LINH	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THUẬT	P2	46-47	2	15			95	DUY LINH	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	94	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐUỐC	CLO	96	1	8			66	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ MINH TŨ	CLO	87	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH BÌNH	CLO	98	1	7			79	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ NGỌC LUAN	CLO	86	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM MẠNH HÙNG	CLO	97	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VĂN BÓN	CLO	92-93	2	16			64	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TAM	CLO						60	KHOAN	Vietnamese
13	CAO VĂN VIỆT	CLO	95	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ MẠNH THĂNG	CLO	90	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRUNG	CLO	99	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐOÀN SŨU	CLO	800	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
17	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	CLO	02-04	3	16			80	KHOAN	Vietnamese
18	VĂN ĐÌNH QUANG	CLO	88-89	2	11			64	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ DŨNG	CLO	85	1	11			66	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	91	1	7			67	DVL	Vietnamese
21	VŨ MẠNH HUƠNG	CLO	01	1	5			52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	4	290	7	58	4	63	0	1	CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG BK3
2	BK3	0	0	0	0	0	0	0		
3	CLO	17	1.153	20	124	0	0	19		
TOTAL		21	1.443	27	182	4	63	19		
WEIGHT KG			1.443		182		63			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỤC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD5 - RCDM	CREW: NAM - NPHÚ - HIẾU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1163	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DINH HUYNH	TD5	22	1	7	4	65	87	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN TAN TAI	TD5	30	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN HUY	TD5	29	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HOA	TD5	24	1	6			86	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOAN HA MINH TUAN	TD5	31	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
6	VU LONG PHI	TD5	26	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU LỘC	TD5	36	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
8	KARPUNIN ALEXEY	TD5	37	1	15			97	KHOAN	Russian
9	NGUYEN HUY DUNG	TD5	21	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	40	1	2			77	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TIEN	TD5	34	1	11			91	KHOAN	Vietnamese
12	ĐÀO DUY ĐIỆP	TD5	23	1	13			78	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN QUYET	TD5	38	1	10			88	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DINH PHƯƠNG	TD5	28	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
15	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	39	1	12			84	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO GIA LƯỢNG	TD5	33	1	11			107	BAKER HU	Vietnamese
17	CHU DINH THANH	TD5	34	1	7			54	DVL	Vietnamese
18	LƯƠNG NGỌC HOANG	TD5	25	1	6			75	DVL	Vietnamese
19	HỒ VĂN ANH	TD5						75	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HANH	TD5	27	1	5			58	PSV	Vietnamese
21	LƯƠNG ANH HAI	TD5	32	1	9			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	21	1.648	20	146	4	65	16		
2	RCDM	0	0	0	0	1	14	2		
TOTAL		21	1.648	20	146	5	79	18		
WEIGHT KG			1.648		146		79			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:VSP01 - P9 - TD1	CREW: KHOAN - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1167	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ARTIUSHIN	VSP01	53	1	10	2	30	88	ANTOAN	Russian
2	VU VAN DIEP	VSP01	51	1	4			68	PSV	Vietnamese
3	HA THE BINH	VSP01	52	1	6			68	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN VAN THANH	P9	73	1	6			63	BIEN DONG	Vietnamese
5	PHAM QUANG CONG	P9	86,70	2	15			59	BIEN DONG	Vietnamese
6	LE VAN VIET	P9	71	1	10			52	BIEN DONG	Vietnamese
7	NGUYEN HUU THANG	P9	84-85	2	15			74	BIEN DONG	Vietnamese
8	VU VAN DONG	P9	23	1	5			60	BIEN DONG	Vietnamese
9	LE VAN KHANH	P9	74,63	2	15			66	BIEN DONG	Vietnamese
10	LE VAN HOAN	TD1	24	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
11	VU DUC TOAN	TD1	26-27	2	12			77	KHOAN	Vietnamese
12	VU VAN TOAN	TD1	22-23	2	11			66	KHOAN	Vietnamese
13	DINH DUC TIEN	TD1	32	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN NINH	TD1	28	1	6			78	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH CAO TRONG	TD1	30	1	10			72	KHOAN	Vietnamese
16	LE BA PHUONG	TD1	29	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
17	DO VAN QUANG	TD1	35	1	9			83	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN THUONG VU	TD1	31	1	14			88	KHOAN	Vietnamese
19	CAO KINH THAO	TD1	33-34	2	22			69	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYEN DINH MUOI	TD1	25	1	6			72	PSV	Vietnamese
21	TRIEU MINH HONG	TD1	21	1	2			67	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TRUNG	TD1	19-20	2	13			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	3	224	3	20	2	30	3		
2	P9	6	374	9	66	0	0	0		
3	TD1	13	975	17	121	0	0	17		
TOTAL		22	1.573	29	207	2	30	20		
WEIGHT KG			1.573		207		30			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: BK16 - CTK3 - TD3	CREW: LINH - MTHAO - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1164	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN SONG TOAN	CTK3	97-98	2	11	1	18	57	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
2	TRUONG MINH THE	CTK3	91-93	3	18			59	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGUYEN BA QUYEN	CTK3	94	1	15			73	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
4	TRAN DUC QUY	CTK3	99	1	14			64	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
5	LE CANH LAM	CTK3	96	1	19			56	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
6	LE VAN MINH	CTK3	100-82	2	20			53	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
7	TRAN VAN TUAN	CTK3	95	1	14			62	BIEN ĐÔNG	Vietnamese
8	OLEINIK IVAN	TD3	95	1	3	2	37	74	KHOAN	Russian
9	TRAN HUU THO	TD3	97	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
10	CHU VAN THANG	TD3	93	1	11			68	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM HUNG DUONG	TD3	94	1	2			99	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN MANH HUNG	TD3	45-46	2	11			74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN CHI QUY	TD3	43-44	2	15			73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN PHI HUNG	TD3	40	1	3			81	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUNG	TD3	39	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	42	1	4			88	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM DUONG HAI	TD3	41	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
18	LE VAN NGHIA	TD3	96	1	9			66	KHOAN	Vietnamese
19	LUONG XUAN DUOC	TD3	47	1	5			67	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ XUÂN CHÍNH	TD3	91-92	2	13			66	PSV	Vietnamese
21	DO DANG THANH	TD3	98	1	4			67	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	99	1	8			75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	0	0	0	0	2	33	0		CHUYEN 1 PAX BK16-CTK3
2	CTK3	7	424	11	111	1	18	0		
3	TD3	15	1.124	18	103	2	37	22		
TOTAL		22	1.548	29	214	5	88	22		
WEIGHT KG			1.548		214		88			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

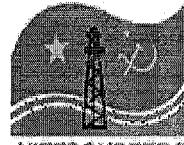
VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 14/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: CAM-4	TO: P8 - P5 - P11	CREW: LINH - MTHAO - VŨ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1165	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TRỌNG THUY	P8	39	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN TUAN LONG	P8	03,51	2	13			67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THIEU BINH	P5						58	DVL	Vietnamese
4	BOIKO D.N.	P5	09	1	16			112	KH-THAC	Russian
5	PHAM VAN KY	P5	10	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	P5	11	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM MINH CƯỜNG	P5	12	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DŨNG	P5	07	1	5			70	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC SƠN	P5	13	1	14			70	DVL	Vietnamese
10	VŨ VĂN NAM	P5	08	1	15			68	DVL	Vietnamese
11	GUSEINOV MAXIM	P11	08	1	9			83	KHOAN	Russian
12	NGUYEN VAN XUAN	P11	19	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HAO	P11	18	1	10			83	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐAM	P11	14	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUYNH	P11	12	1	4	3	40	65	KHOAN	Vietnamese
16	VY NGOC CHU	P11	20	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT MINH	P11	09-10	2	10			67	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC ƠN	P11	15	1	5			54	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG TIỀN	P11	11	1	14			78	KHOAN	Vietnamese
20	NGÔ DUY NGỌC	P11	13	1	14			63	KHOAN	Vietnamese
21	LY CHUYỀN CHIÊU	P11	17	1	5			105	PSV	Vietnamese
22	HOANG VAN DOANH	P11	16	1	6			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	2	137	3	21	0	0	0		
2	P5	8	599	7	81	0	0	0		
3	P11	12	878	13	94	3	40	20		
TOTAL		22	1.614	23	196	3	40	20		
WEIGHT KG			1.614		196		40			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Giờ bay	Người		
1		SAVR+BK6+GTCL	7:25	5+11+0	0+0	0+0+1	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 15/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:SAVR - BK6 - GTC1	CREW: LINH - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1184	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	SAVR	02-03	2	18	1	3	68	KHOAN	Vietnamese
2	ÔNG VĂN NĂM	SAVR	01	1	13			57	BAKER HUO	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BÌNH	SAVR	08	1	14			77	BAKER HUO	Vietnamese
4	NIYATI ISSARAPREEDA	SAVR	06-07	2	19			73	BAKER HUO	Thailand
5	ĐÌNH TRẦN ĐỨC TRI	SAVR	04-05	2	16			63	BAKER HUO	Vietnamese
6	PHAN TUẤN ĐẠT	BK6	91	1	14	4	70	98	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI NGỌC THAO	BK6				2	23	65	XAYLAP	Vietnamese
8	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	BK6	19-20	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC HUY	BK6	83	1	18			68	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN HUNG	BK6	05-06	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH PHUNG	BK6	93-94	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH HUNG	BK6	80	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ THẾ GIÁP	BK6	78-79	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐOÀN NGUYỄN MINH TRƯỜNG	BK6				2	23	78	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN TIẾN TRƯỜNG	BK6	600	1	19			72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK6	03-04	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	5	338	8	80	1	3	0		
2	BK6	11	805	14	158	8	116	0		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		16	1.143	22	238	9	119	1		
WEIGHT KG			1.143		238		119			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ